

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2022/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 14 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Tân Lạc,
huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính
phủ ban hành quy chế đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ
Văn hóa-Thông tin về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt, đổi
tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số
91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 4545/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên 33 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, gồm:

1. Đường mang tên danh nhân: 22 tuyến đường

(Phụ lục I kèm theo)

2. Đường mang tên danh từ, địa danh, sự kiện lịch sử: 11 tuyến đường

(Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2022./. *✓*

Nơi nhận: *✓*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT *✓*

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

Phụ lục I

Các tuyến đường mang tên Danh nhân trên địa bàn thị trấn Tân Lạc, huyện Quý Châu, tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
1	Độc Thiết	Đường Lê Lợi, Km90+150 QL.48 (Cầu Khe Tụ, Khối 4)	Cầu Đồng Minh, Km91+90 QL.48 (Khối 4) đường đi bản Nà Ca	960	16	24	Nhựa	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp
2	Lê Lợi	Cầu Đồng Minh (Khối 4) (đường đi bản Nà Ca)	Ngã 3 đường Thanh Niên (Khối 2)	1.990	16	27	Nhựa	Lãnh tụ Khởi nghĩa Lam Sơn - Vua đầu tiên nhà Lê sơ
3	Hoàng Nguyên Cát	Đường Độc Thiết, Km90+900 QL.48 (Khối 4)	Đường Mường Miếng (Khối 4)	370	8	9	Nhựa	Danh y thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVIII
4	Minh Châu	Đường Bạch Liêu (Khối 3)	Đường Chiềng Ngam - Hồ Xuân Hương (Khối Hoa Hải)	1310	12-14	18	Nhựa	Bí thư Ban cán sự Đảng liên huyện Nghĩa - Quý. Nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Nghệ An Khóa VI, VII (1949 - 1954)
5	Cầm Lư	Km91+280 QL.48 (Khối 3)	Đường Cầm Lư (Khối 1)	760	6-8	9-12	Nhựa, Bê tông	Nhân vật khai bản, lập mừng thế kỷ XIV
6	Cầm Lạn	Đường Phú Bón (Khối 3)	Đường Cầm Lư (Khối 1)	360	6-10	12	Nhựa	Nhân vật khai bản, lập mừng thế kỷ XIV

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
7	Quản Thụ	Đường Bạch Liêu (Khối 3)	Đường Quản Thông (Khối 1)	450	6	9	Nhựa, Bê tông	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp
8	Quản Thông	Đường Phú Quý - Phú Bọn (Khối 1)	Khu công nghiệp nhỏ huyện Phú Châu (Khối 1)	360	6	9	Nhựa	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp
9	Nguyễn Quốc Sùng	Đường Minh Châu (Khối 3)	Đường Phú Bọn (Khối 3)	300	9	12	Nhựa	Bí thư Huyện ủy đầu tiên của huyện Phú Châu
10	Bạch Liêu	Đường Cầm Lữ (Khối 3)	Đường Phú Bọn (Khối 3)	350	6	12	Nhựa	Nhà khoa bảng thế kỷ XIII
11	Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi, Km92+645 (Khối Tân Hương)	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	2.100	6	12	Bê tông	Nhà thơ - Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế kỷ XIX
12	Trần Nguyên Hân	Đường Lê Lợi, Km91+750 (Khối 1)	Đường Phú Quý - Quản Thông (Khối 1)	915	12	18	Đá cấp phối	Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn
13	Cầm Hiền	Đường Nguyễn Trãi (Khối 2)	Đường Trần Nguyên Hân (Khối 2)	490	6-8	15	Đá cấp phối	Nhân vật khai bản, lập mừng, đánh đuổi quân Minh
14	Cầm Hoa	Đường Lê Lợi (Khối 2)	Đường Lê Lai (Khối 2)	370	6-8	15	Nhựa + đá cấp phối	Nhân vật khai bản, lập mừng, đánh đuổi quân Minh
15	Lê Lai	Đường Nguyễn Trãi (Khối 2)	Đường Trần Nguyên Hân (Khối 2)	390	6-8	15	Nhựa	Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
16	Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi, Km91+850 QL.48 (Khối 2)	Đường Bù Đắc - Trần Nguyễn Hân (Khối 2)	620	5 - 7	18	Bê tông	Anh hùng dân tộc - Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế kỷ XV
17	Mai Kinh	Đường Lê Lợi Km91+700 QL.48 (Khối 2)	Đường Thanh Niên (Khối 2)	350	9	9	Nhựa	Nhà cách mạng Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX
18	Đặng Như Mai	Đường Lê Lợi, Km91+550 QL.48 (Khối 2)	Đường Thanh Niên (Khối 2)	350	8	9	Nhựa	Thủ lĩnh khởi nghĩa Giáp Tuất chống Pháp
19	Chu Huệ	Nhà máy nước (Khối 2)	Đường Minh Châu (Khối 2)	360	10	12	Nhựa	Nhà cách mạng Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX
20	Hoàng Văn Thụ	Đường Lê Lợi, Km91+280 QL.48 (Khối 2)	Đường Mai Kinh (Khối 2)	360	8	9	Nhựa	Nhà cách mạng Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX
21	Trần Phó	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	Đường Gia Hội (Khối Hoa Hải)	502	6	12	Nhựa	Bộ đội chủ lực tăng cường địa phương xây dựng cơ sở Đảng và củng cố lực lượng vũ trang giai đoạn 1947-1949
22	Tăng Ba	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	Đường Gia Hội (Khối Hoa Hải)	570	6	12	Bê tông	Bộ đội chủ lực tăng cường địa phương xây dựng cơ sở Đảng và củng cố lực lượng vũ trang giai đoạn 1947-1949





Phụ lục II

Các tuyến đường mang tên danh từ, địa danh, sự kiện lịch sử trên địa bàn thị trấn Tân Lạc, huyện Quý Châu, tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
1	Thảm Ôm	Đường Thanh Niên, Km92+490 QL.48 (Khối 2)	Cầu Khe Súng, Km94+850 QL.48 (Khối Tân Hương)	1.850	16	24	Nhựa	Địa danh
2	Mường Miếng	Đường Đốc Thiết, Km91+10 QL.48 (Khối 4)	Giao đường ven lòng hồ thủy lợi Bản Mông (Khối 4)	570	6	9	Nhựa	Địa danh
3	Phủ Quỳ	Đường Lê Lợi, Km91+950 QL.48 (Khối 2)	Km0+435 DT.544, điểm giáp ranh xã Châu Hạnh đi bản Hứa Na (Khối 1)	435	6-8	9	Nhựa	Địa danh
4	Phủ Bọn	Đường Lê Lợi, Km91+750 (Khối 1)	Đường Phủ Quỳ - Quản Thông (Khối 1)	520	8-10	12	Nhựa	Địa danh
5	Trà Bông	Đường Gia Hội (Khối 3)	Giao Đường Lê Lợi, Km91+850 QL.48 (Khối 3)	375	6-15	18	Nhựa - Bê tông	Địa danh
6	Mường Murn	Km93+320 QL.48 (Khối Tân Hương)	Đường Chiềng Ngam (Khối Tân Hương)	480	6	12	Bê tông	Địa danh

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
7	Mường Chon	Đường Hồ Xuân Hương (Khối Tân Hương)	Khu dân cư Khối Tân Hương	580	6	18	đá cấp phối	Địa danh
8	Chiêng Ngam	Đường Thảm Ôm - Lê Lợi Km93+00 QL.48 (Khối Tân Hương)	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	3.640	6-8	21	Nhựa	Địa danh
9	Thanh Niên	Đường Lê Lợi Km92+490 QL.48 (Khối 2)	Đường Minh Châu (Cầu Hoa Hải, Khối 2)	2.000	6	12	Bê tông	Danh từ
10	Bù Đăng	Đường Lê Lợi (Khối 2)	Đường Trần Nguyên Hãn - Nguyễn Trãi (Khối 2)	617	6	32	Nhựa	Địa danh - Sự kiện lịch sử
11	Gia Hội	Giao đường Tăng Ba	Giáp ranh xã Châu Hạnh	1280	6	12	Bê tông, đá cấp phối	Địa danh